

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2020/HS-ST
Ngày 24/7/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM,
TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Châu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Bình và ông Lê Đình Nguyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đào Nhã Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 56/2020/TLST-HS ngày 28 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2020/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo:

NGUYỄN DUY T (tên gọi khác: Không có), sinh năm 1981 tại Ninh Thuận. HKTT: Khu phố 5, phường B, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận; nghề nghiệp: Nhân viên; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Th, sinh năm: 1958 và bà Bùi Thị L, sinh năm: 1960; có vợ là Đường Thị Mỹ L, sinh năm: 1985 và 01 người con.

Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 05/02/2020 và hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- Nguyên đơn dân sự: Công ty Cổ phần dịch vụ viễn thông T.

Địa chỉ: Phòng 405-D5, tổ 80, phường D, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Vĩnh H, chức danh: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Vinh H, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Khu phố 6, phường T, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. (có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 01/6/2019 Nguyễn Duy T ký hợp đồng lao động với chức danh công việc là nhân viên kinh doanh của Công ty Cổ phần dịch vụ viễn thông T – Chi nhánh tại tỉnh Ninh Thuận là đơn vị kinh doanh hoạt động theo ủy quyền của Công ty Cổ phần dịch vụ viễn thông T. Điều 3 hợp đồng lao động xác định: Đầu tháng Nguyễn Duy T nhận phiếu thu tiền khách hàng sử dụng dịch vụ truyền hình VTVcab từ phòng kế toán. Sau đó, T đến từng địa chỉ của khách hàng để thu tiền tương ứng với số tiền được ghi trên phiếu, liên 1 của phiếu thu tiền được giao cho khách hàng, liên 2 của phiếu thu tiền T có trách nhiệm đem về nộp lại cho bộ phận kế toán của Công ty để đối chiếu. Hằng ngày T phải đem tiền thu được của khách hàng về nộp cho Công ty để bộ phận kế toán của Công ty đối chiếu.

Ngày 05/7/2019, Nguyễn Duy T nhận 1050 phiếu thu tiền từ phòng kế toán Công ty dịch vụ viễn thông T, tương ứng với số tiền phải thu là 97.285.600^d. Quá trình thu tiền, T đã thu được của 979 khách hàng, tương ứng với số tiền 90.865.600^d. Tuy nhiên, T chỉ mang về nộp cho Công ty số tiền là 50.032.000^d, tương ứng với 557 phiếu thu tiền của khách hàng. Còn lại số tiền 40.833.600^d tương ứng với 422 phiếu thu T đã thu được của khách hàng, T không nộp cho Công ty mà sử dụng tiêu xài cá nhân hết. Do không có khả năng khắc phục cho Công ty nên T đem toàn bộ phiếu thu gồm phiếu đã thu tiền và phiếu chưa thu tiền về để ở nhà rồi đi thuê nhà trọ ở một mình tại ngã 5 P, đồng thời T tắt điện thoại để gia đình và Công ty không liên lạc được.

Đến ngày 22/7/2019, do không liên lạc được với T nên người của Công ty Cổ phần dịch vụ viễn thông T đến nhà tìm gặp T để làm việc nhưng không thấy, gia đình T đã giao lại cho Công ty 71 phiếu chưa thu tiền.

Do không gặp và cũng không liên lạc được với T nên Công ty đã tố cáo hành vi của T. Quá trình điều tra, T đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình, số tiền mà T đã chiếm đoạt của Công ty Cổ phần dịch vụ viễn thông T là 40.833.600^d. Ngoài ra, T còn khai nhận bản thân đưa ra thông tin gian dối về việc Công ty Cổ phần dịch vụ viễn thông T có chương trình khuyến mãi để khách hàng tin tưởng là thật và giao số tiền 92.768.000^d. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra chưa đủ căn cứ để xác định hành vi phạm tội của T nên Cơ quan điều tra đã tách tài liệu liên quan để tiếp tục điều tra, làm rõ xử lý sau.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, T đã tác động gia đình khắc phục cho Công ty số tiền 40.657.000^d. Đại diện hợp pháp của Công ty không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Cáo trạng số: 60/CT-VKSPR ngày 27/5/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm truy tố bị cáo Nguyễn Duy T về

tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm khoản 1 điều 353; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy T từ 30 tháng đến 36 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường và đại diện hợp pháp của Công ty không yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của Công ty trình bày đã nhận đủ tiền nên không yêu cầu bồi thường gì thêm và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo không tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp chàm, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Duy T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ khác đã được thu thập tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để xác định: Trong thời gian làm việc theo hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần dịch vụ viễn thông T, Nguyễn Duy T đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình khi được Công ty giao nhiệm vụ đi thu tiền của khách hàng, T đã thực hiện hành chiếm đoạt tài sản do mình quản lý với số tiền là 40.833.600^d. Hành vi phạm tội của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 353 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm truy tố về tội danh và khung hình phạt trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản mà còn gây ảnh hưởng xấu đến uy tín của Công ty Cổ phần dịch vụ viễn thông T. Bị cáo là người đã thành niên, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp

luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi phạm tội của mình gây ra. Để đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm, đặc biệt là các tội phạm về chức vụ, nghĩ cần có mức án nghiêm khắc, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của Công ty Cổ phần dịch vụ viễn thông T xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nhưng theo quy định tại Điều 63 Bộ luật tố tụng hình sự thì nguyên đơn dân sự không có quyền đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử không thể áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát mà chỉ xem xét khi lượng hình đối với bị cáo. Xét về nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đã tác động gia đình khắc phục toàn bộ thiệt hại mà bị cáo đã gây ra, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo so với mức mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường và đại diện hợp pháp của Công ty không yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

[6] Việc bị cáo khai nhận bản thân đưa ra thông tin gian dối về việc Công ty Cổ phần dịch vụ viễn thông T có chương trình khuyến mãi để khách hàng tin tưởng là thật và giao số tiền 92.768.000^d. Trong quá trình điều tra chưa đủ căn cứ để xác định hành vi phạm tội của bị cáo nên Cơ quan điều tra đã tách tài liệu liên quan để tiếp tục điều tra, làm rõ xử lý sau là đúng quy định.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 353; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Duy T** phạm tội “Tham ô tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Duy T 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 05/2/2020.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Duy T phải chịu 200.000^d (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn dân sự quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Bị cáo;
- Nguyên đơn dân sự;
- VKSND TP. PR-TC;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- CQĐT Công an TP. PR-TC;
- CQTHAHS Công an TP. PR-TC;
- Chi cục THADS TP. PR-TC;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- TAND tỉnh;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bảo Châu